



Biểu số 108/CK TC

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/ 8 /2025 của UBND xã Đình Trang T

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI
TỔNG SỐ THU	115.225.000.000	TỔNG SỐ CHI
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	3.511.000.000	I. Chi đầu tư phát triển
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.084.000.000	II. Chi thường xuyên
III. Thu bổ sung	110.630.000.000	III. Dự phòng
- Bổ sung cân đối	110.630.000.000	
- Bổ sung có mục tiêu		
IV. Thu chuyển nguồn		

C-NSNN

Thượng)

Đơn vị: đồng

DỰ TOÁN
115.225.000.000
114.184.000.000
1.041.000.000

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đình Trang Thượng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN (bao gồm tỉnh quản lý)	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	42.528.000.000	115.225.000.000
I	Các khoản thu 100%	15.088.000.000	3.511.000.000
1	Phí, lệ phí	700.000.000	250.000.000
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	11.800.000.000	3.000.000.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25.000.000	10.000.000
4	Thu khác	2.563.000.000	251.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	27.440.000.000	1.084.000.000
1	Thuế Thu nhập cá nhân	17.020.000.000	220.000.000
2	Thuế GTGT	2.560.000.000	362.000.000
3	Thuế TNDN	3.210.000.000	502.000.000
4	Thu tiền sử dụng đất	4.500.000.000	0
5	Thu tiền thuê đất trong nước	150.000.000	0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		110.630.000.000
1	- Thu bổ sung cân đối		110.630.000.000
2	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND xã Đình Trang Thượng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	115.225.000.000	0	115.225.000.000
	Trong đó			
1	Chi sự nghiệp nông nghiệp, môi trường và các hoạt động kinh tế	3.173.100.000		3.173.100.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	55.167.000.000		55.167.000.000
3	Chi khoa học công nghệ	0		0
4	Chi sự nghiệp y tế	6.814.800.000		6.814.800.000
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục - thể thao	498.600.000		498.600.000
6	Chi đảm bảo xã hội	2.566.000.000		2.566.000.000
7	Chi an ninh - quốc phòng	3.933.100.000		3.933.100.000
	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	1.604.300.000		1.604.300.000
	Chi quốc phòng	2.328.800.000		2.328.800.000
8	Chi quản lý hành chính	39.639.000.000		39.639.000.000
9	Chi khác ngân sách	2.392.400.000		2.392.400.000
10	Dự phòng ngân sách	1.041.000.000		1.041.000.000